

4. Tân
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 271/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh đào tạo nghề
cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Văn bản số 164/LĐTBOXH-GDNN ngày 13/01/2020,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020 cho các đơn vị liên quan theo biểu đính kèm.

Điều 2. Giao Sở Tài chính cân đối phân bổ kinh phí thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2020 theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh (VX);
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (VX);
- Lưu: VT, KGVX.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hòa Hiệp

**CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TUYỂN SINH ĐÀO TẠO NGHỀ
CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020
của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Huyện, thành phố	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
		Nghề phi nông nghiệp	Nghề nông nghiệp	Tổng số	
1	Thành Phố Biên Hòa	25	0	25	
2	Huyện Nhơn Trạch	60	90	150	
3	Huyện Long Thành	100	50	150	
4	Huyện Vĩnh Cửu	60	120	180	
5	Huyện Trảng Bom	150	150	300	
6	Huyện Thống Nhất	25	60	85	
7	Huyện Định Quán	100	200	300	
8	Huyện Tân Phú	50	300	350	
9	Huyện Xuân Lộc	150	250	400	
10	Huyện Cẩm Mỹ	50	250	300	
11	Thành phố Long Khánh	0	100	100	
	TỔNG CỘNG	770	1.570	2.340	



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hòa Hiệp